

Phụ lục.
PHẠM VI VÙNG BẢO HỘ VỆ SINH KHU VỰC LẤY NƯỚC SINH HOẠT CỦA CÔNG TRÌNH
KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT THEO GIẤY PHÉP SỐ 113/GP-UBND NGÀY 31/12/2024 CỦA UBND TỈNH
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Số hiệu	Tọa độ (VN2000 Kinh tuyến trục 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰)		Lưu lượng khai thác (m ³ /ngày đêm)	Tên công trình tiếp giáp với giếng khai thác	Thông tin về khoảng cách từ miệng giếng đến công trình tiếp giáp			Thông tin về hiện trạng công trình ghi nhận từ kết quả kiểm tra thực địa	Đối chiếu với quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT
	X	Y			Khoảng cách (m)	Hướng đo khoảng cách tính từ miệng giếng	Phạm vi vùng bảo hộ không nhỏ hơn (m)		
GK1	485737	1397015	35	Hệ thống xử lý nước thải	100	Phía Tây	20	Các công trình không có nguy cơ gây ô nhiễm, đảm bảo chất lượng nguồn nước	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 11
				Kho cám và vật tư	30	Phía Bắc			
				Nhà chứa và ủ phân	90	Phía Tây Bắc			
				Khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết	150	Phía Tây			
GK2	485724	1397070	40	Hệ thống xử lý nước thải	95	Phía Tây Nam	20	Các công trình không có nguy cơ gây ô nhiễm, đảm bảo chất lượng nguồn nước	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 11
				Kho cám và vật tư	25	Phía Đông			
				Nhà chứa và ủ phân	92	Phía Tây Nam			
				Khu vực dự phòng tiêu hủy lợn chết	165	Phía Tây Nam			